

Số: 52/NY-ĐGTS

Kon Tum, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BẢN NIÊM YẾT THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN:

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Số 211, đường Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

II. TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Số 88 Trần Phú, P. Thắng Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

III. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

Gồm có 09 (chín) chiếc xe ô tô thanh lý, mỗi chiếc xe tổ chức 01 (một) cuộc đấu giá. Tùy vào nhu cầu của người đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá có thể đăng ký mua một chiếc, hoặc nhiều chiếc.

1.1 Xe ô tô con Honda Civic 2.0AT, sản xuất năm 2008, BKS: 82A-005.52.

Loại phương tiện: Xe ô tô con; Biển kiểm soát: 82A-005.52; Màu xe: Xám - Bạc; Nhãn hiệu: HONDA; Số loại: CIVIC; Hộp số: Số tự động; Số máy: 3950115; Số khung: 800120; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 2008; Công thức bánh xe: 4x2; Vết bánh xe: 1500/1525 (mm); Kích thước bao: 4540 x 1750 x 1450 (mm); Chiều dài cơ sở: 2700 (mm); Khối lượng bản thân: 1320 kg; Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1695/1695 (kg); Số người cho phép chở: 05 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thể tích làm việc động cơ: 1998 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 114(kW)/ 6000vph; Số lượng lốp: 1: 2; 205/55R16 : 2: 2; 205/55R16; Số km đã đi: ~ 151.055 (km).

1.2 Xe ô tô Mitsubishi Pajero, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-2181.

Loại phương tiện: Xe ô tô chở tiền; Biển kiểm soát: 82K-2181; Màu xe : Xanh; Nhãn hiệu: Mitsubishi; Số loại: Pajero; Hộp số: Số tay; Số máy: RN9807; Số khung: 000469; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 2004; Công thức bánh xe: 4x4; Vết bánh xe: 1560/1560 (mm); Kích thước bao: 4810 x 1885 x 1855 (mm); Chiều dài cơ sở: 2780 (mm); Khối lượng bản thân: 2080 kg; Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 245/245 (kg); Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2650/2650 (kg); Số người cho phép chở: 05 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thể tích làm việc động cơ: 2972 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 133(HP)/5500vph; Số lượng lốp: 1: 2; 235/80R16 : 2: 2; 235/80R16.

1.3. Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2001, BKS: 82K-1370.

Loại phương tiện: Xe ô tô chở tiền; Biển kiểm soát: 82K-1370; Màu xe : Đỏ; Nhãn hiệu: ISUZU; Số loại: TROOPER; Hộp số: Số sàn; Số máy: 086444; Số khung: JACUBS25G17101534; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 2001; Công thức bánh xe: 4x4; Vết bánh xe: 1470/1475 (mm); Kích thước bao: 4605 x 1745 x 1840 (mm); Chiều dài cơ sở: 2760 (mm); Khối lượng bản thân: 2000 kg; Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2600/2600 (kg); Số người cho phép chở: 05 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thẻ tích làm việc động cơ: 3165 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 151 (kW)/5400vph; Số lượng lốp: 1: 2; 215/80R16 : 2: 2; 215/80R16; Số km đã đi: ~201.457 (km).

1.4. Xe ô tô 16 chỗ TOYOTA HIACE, sản xuất năm 2006, BKS: 82B-000.49.

Loại phương tiện: Xe ô tô khách; Biển kiểm soát: 82B-000.49; Màu xe : Xanh; Nhãn hiệu: TOYOTA; Số loại: HIACE; Hộp số: Số sàn; Số máy: 2TR-6304995; Số khung: JTFRX12P509000887; Nước sản xuất: Việt Nam; Năm sản xuất : 2006; Niên hạn sử dụng: 2026; Công thức bánh xe: 4x2; Vết bánh xe: 1655/1650 (mm); Kích thước bao: 4840 x 1880 x 2105 (mm); Chiều dài cơ sở: 2570 (mm); Khối lượng bản thân: 1885kg; Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 3100/3100 (kg); Số người cho phép chở: 16 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thẻ tích làm việc động cơ: 2694 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 111(kW)/4800vph; Số lượng lốp : 1: 2; 195R15 : 2: 2; 195R15; Số km đã đi: ~ 256.238 (km).

1.5. Xe ô tô Mitsubishi Pajero, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-2237.

Loại phương tiện: Xe ô tô chở tiền; Biển kiểm soát: 82K-2237; Màu xe: Trắng; Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO; Hộp số: Số sàn; Số máy: 6G72RN4231; Số khung: JMYLNV73W5J000256; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 2004; Công thức bánh xe: 4x4; Vết bánh xe: 1560/1560 (mm); Kích thước bao: 4810 x 1885 x 1855 (mm); Chiều dài cơ sở: 2780 (mm); Khối lượng bản thân: 2080 kg; Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT :245/--(kg); Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2650/-- (kg); Số người cho phép chở: 05 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thẻ tích làm việc động cơ: 2972 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 133(kW)/ 5500vph; Số lượng lốp: 1: 2; 235/80R16 : 2: 2; 235/80R16; Số km đã đi: ~265.811 (km).

1.6. Xe ô tô con 5 chỗ FORD LASER LXI , sản xuất năm 2004, BKS: 82K-1976.

Loại phương tiện: Xe ô tô con; Biển kiểm soát: 82K-1976; Màu xe: Xanh; Nhãn hiệu: FORD; Số loại: LASER LXI; Hộp số: Số sàn; Số máy: ZM-689570; Số khung: JS7XXXSRNL4A04502; Nước sản xuất: Việt Nam; Năm sản xuất: 2004; Công thức bánh xe: 4x2; Vết bánh xe 1470/1470 (mm); Kích thước bao: 4470 x 170 x 1430 (mm); Chiều dài cơ sở: 2610 (mm) 5; Khối lượng bản thân: 1121 kg; Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1551/1551 (kg); Số người cho phép chở: 05 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thẻ tích

làm việc động cơ: 1598 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 78(kW)/5500vph; Số lượng lốp: 1: 2; 185/65R14 : 2: 2; 185/65R14; Số km đã đi: ~ 331.017 (km).

1.7. Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2000, BKS: 82K-1073.

Loại phương tiện: Xe ô tô chở tiền; Biển kiểm soát: 82K-1073; Màu xe : Nâu; Nhãn hiệu: ISUZU; Số loại: TROOPER; Hộp số: Số sàn; Số máy: 904561; Số khung: JACUBS25GY7100536; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 2000; Công thức bánh xe: 4x4; Vết bánh xe: 1455/1460 (mm); Kích thước bao: 4605 x 1745 x 1850 (mm); Chiều dài cơ sở: 2760 (mm); Khối lượng bản thân: 2000 kg; Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 275/275 (kg); Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2600/2600 (kg); Số người cho phép chở: 05 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Xăng; Thể tích làm việc động cơ: 3165 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 151 (kW)/ 5400vph; Số lượng lốp: 1: 2; 245/70R16 : 2: 2; 245/70R16; Số km đã đi : ~366.254 (km).

1.8. Xe ô tô FORD EVEREST UV9H, sản xuất năm 2006, BKS: 82K-2585.

Loại phương tiện: Xe ô tô con; Biển kiểm soát: 82K-2585; Màu xe: Ghi – Vàng; Nhãn hiệu: FORD; Số loại: EVEREST UV9H; Hộp số: Số sàn; Số máy: WLAT-640013; Số khung: RLO5DUHMMR6S02696; Nước sản xuất : Việt Nam; Năm sản xuất: 2006; Công thức bánh xe: 4x4; Vết bánh xe: 1490/1475 (mm); Kích thước bao: 4956 x 1807 x 1866 (mm); Chiều dài cơ sở: 2860 (mm); Khối lượng bản thân: 1908kg; Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2603/-- (kg); Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu: Diesel; Thể tích làm việc động cơ: 2499 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 80(kW)/3500vph; Số lượng lốp : 1: 2; 265/70R15 : 2: 2; 265/70R15; Số km đã đi: ~ 332.097 (km).

1.9. Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2002, BKS: 82K-1580.

Loại phương tiện: Xe ô tô chở tiền; Biển kiểm soát: 82K-1580; Màu xe: Xanh; Nhãn hiệu: ISUZU; Số loại: TROOPER; Hộp số: Số sàn; Số máy: 150291; Số khung: JACUBS25G27101254; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 2002; Công thức bánh xe: 4x4; Vết bánh xe: 1470/1475 (mm); Kích thước bao: 4605 x 1745 x 1840 (mm); Chiều dài cơ sở: 2760 (mm); Khối lượng bản thân: 2000 kg; Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2600/2600 (kg); Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm; Loại nhiên liệu : Xăng; Thể tích làm việc động cơ: 3165 (cm³); Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 151(kW)/ 5400vph; Số lượng lốp : 1: 2; 215/80R16 : 2: 2; 215/80R16

Đơn vị: Đồng

TT	Biển số đăng ký	Giá khởi điểm	Tiền đặt trước	Tiền hồ sơ	Bước giá
1	82A-005.52	160.420.000	32.084.000	200.000	20.000.000
2	82K-2181	59.150.000	11.830.000	150.000	2.000.000

3	82K-1370	49.700.000	9.940.000	100.000	2.000.000
4	82B-000.49	53.230.000	10.646.000	150.000	2.000.000
5	82K-2237	59.150.000	11.830.000	150.000	2.000.000
6	82K-1976	64.790.000	12.958.000	150.000	2.000.000
7	82K-1073	43.960.000	8.792.000	100.000	2.000.000
8	82K-2585	103.210.000	20.642.000	200.000	2.000.000
9	82K-1580	39.390.000	7.878.000	100.000	2.000.000

IV. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thời gian bán, nhận hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Từ ngày thông báo đến 10 giờ ngày 12/3/2024.

2. Địa điểm bán, nhận hồ sơ, nhận phiếu trả giá và tổ chức buổi công bố giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum - Số 211, đường Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Ngày 07 - 08/3/2024, Tại trụ sở của từng đơn vị có tài sản thanh lý trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	THÔNG TIN XE
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum	Số 88 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	- Xe ô tô con Honda Civic 2.0AT, sản xuất năm 2008, BKS: 82A-005.52
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đắk Tô Kon Tum	Số 233 Hùng Vương, Khối 8, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	Xe ô tô Mitsubishi Pajero, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-2181
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đắk Hà Kon Tum	Số 155 Hùng Vương, TDP1, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	- Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2001, BKS: 82K-1370 - Xe ô tô 16 chỗ TOYOTA HIACE, sản xuất năm 2006, BKS: 82B-000.49
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Ngọc Hồi Kon Tum	Số 04 Trần Hưng Đạo, Thị trấn PleiKần, Huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	- Xe ô tô Mitsubishi Pajero, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-2237

5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy Kon Tum	Thôn 1, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	- Xe ô tô con 5 chỗ FORD LASER LXI, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-1976 - Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2000, BKS: 82K-1073
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện ĐăkGlei Kon Tum	Thôn 16/5, thị trấn Đăkglei, huyện ĐăkGlei, tỉnh Kon Tum	- Xe ô tô FORD EVEREST UV9H, sản xuất năm 2006, BKS: 82K-2585 - Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2002, BKS: 82K-1580

4. Thời gian tổ chức buổi công bố giá 09 xe ô tô: Bắt đầu vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia đấu giá có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản, thông qua việc nộp hồ sơ đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước theo quy định. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp được quy định tại Điều 43, Luật đấu giá tài sản 2016.

Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

Người tham gia đấu giá trả giá: Bảng giá khởi điểm cộng tối thiểu 01 (một) bước giá. Mỗi chiếc xe tổ chức 01 (một) cuộc đấu giá, tùy vào nhu cầu của người đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá có thể đăng ký mua một chiếc, hoặc nhiều chiếc.

7. Quy định nộp tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước:

Tiền mua hồ sơ nộp bằng tiền mặt. Tiền đặt trước nộp bằng chuyển khoản, từ ngày 08/3/2024 đến 10 giờ ngày 12/3/2024, vào tài khoản số **5100201009520** của **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản**, mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum (*Khi nộp tiền đặt trước người tham gia đấu giá đăng ký xe nào thì ghi biển số xe đó, người tham gia đấu giá nộp giấy nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum trước 10 giờ ngày 12/3/2024*).

8. Tài sản đấu giá theo các văn bản sau:

- Văn bản số 13666/NHNo-QLĐT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tổng giám đốc Agribank về chấp thuận chủ trương thanh lý tài sản cố định của Agribank Chi nhánh tỉnh Kon Tum;

- Chứng thư thẩm định giá ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thành Đô;

- Biên bản họp thống nhất của Hội đồng thanh lý Agribank Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

- **Xe ô tô con Honda Civic 2.0AT, sản xuất năm 2008, BKS: 82A-005.52:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000472 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp 29 tháng 05 năm 2012 cho Chi Nhánh Ngân hàng NNPT NT Tỉnh Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 05 năm 2008.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 0661305 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 09 tháng 02 năm 2022, có hiệu lực đến hết ngày 08 tháng 08 năm 2022.

- **Xe ô tô Mitsubishi Pajero, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-2181:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0000501 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 27 tháng 01 năm 2005 cho Chi Nhánh NHNN và PTNT Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 01 năm 2005.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 8394469 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 25 tháng 11 năm 2021, có hiệu lực đến hết ngày 24 tháng 05 năm 2022.

- **Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2001, BKS: 82K-1370:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số A0000808 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001 cho Chi Nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 0662810 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 30 tháng 03 năm 2022, có hiệu lực đến hết ngày 29 tháng 09 năm 2022.

- **Xe ô tô 16 chỗ TOYOTA HIACE, sản xuất năm 2006, BKS: 82B-000.49:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002296 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 01 tháng 06 năm 2011 cho CNHH NN và PTNT Tỉnh Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2007.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD-8462639 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 04 tháng 08 năm 2021, có hiệu lực đến hết ngày 03 tháng 11 năm 2021.

- **Xe ô tô Mitsubishi Pajero, sản xuất năm 2004, BKS: 82K-2237:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0000503 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 27 tháng 01 năm 2005 cho Chi Nhánh NHNN và PTNT Ngọc Hồi. Đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2005.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA-4919554 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 12 tháng 05 năm 2023, có hiệu lực đến hết ngày 11 tháng 11 năm 2023.

- Xe ô tô con 5 chỗ FORD LASER LXI , sản xuất năm 2004, BKS: 82K-1976:

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0000199 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 28 tháng 04 năm 2004 cho Chi Nhánh NHNT và PTNT Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2004.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA-2671938 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022, có hiệu lực đến hết ngày 07 tháng 05 năm 2023.

- Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2000, BKS: 82K-1073:

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số A0003335 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 27 tháng 06 năm 2000 cho Chi Nhánh Nông Nghiệp PTNT Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 06 năm 2000.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD-8464032 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 20 tháng 09 năm 2021, có hiệu lực đến hết ngày 19 tháng 03 năm 2022.

- Xe ô tô FORD EVEREST UV9H, sản xuất năm 2006, BKS: 82K-2585:

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0000221 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 07 tháng 06 năm 2006 cho Chi Nhánh NHNN và PTNT Tỉnh Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 2006.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA-4919655 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 15 tháng 05 năm 2023, có hiệu lực đến hết ngày 14 tháng 05 năm 2024.

- Xe ô tô ISUZU TROOPER, sản xuất năm 2002, BKS: 82K-1580:

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số A0001063 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Kon Tum cấp ngày 18 tháng 12 năm 2002 cho Ngân Hàng Nông Nghiệp và PTNT Kon Tum. Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2002.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD-8465350 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Kon Tum cơ sở 82.01.S cấp ngày 26 tháng 10 năm 2021, có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 04 năm 2022.

* Lưu ý: Sau khi nộp đủ tiền trúng đấu giá và nhận xe, người trúng đấu giá phải liên hệ ngay cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên và nộp lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký xe và các chi phí khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum và Agribank Chi nhánh tỉnh Kon Tum (Điện thoại: 0260.3911.069; 098.4741.326)/.

Nơi nhận:

- Agribank Chi nhánh tỉnh Kon Tum (Đề niêm yết);
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (Đề niêm yết);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (Đề đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (Đề đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp (Đề đăng tải);
- Niêm yết tại Agribank Chi nhánh các huyện: Đăk Tô, Đăk Hà, Ngọc Hồi, Kon Rẫy và Đăk Glei;
- Người đăng ký tham gia đấu giá (Kèm hồ sơ);
- Lưu: VT, HS/ĐGTS (Tài).

GIÁM ĐỐC



Đinh Xuân Thủy